

Số 712/QĐ-THPĐB

Yên Tử, ngày 03 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng Hệ thống
Quản lý trường học trực tuyến và Hệ thống Cơ sở dữ liệu
của trường Tiểu học Phương Đông B
Năm học 2025-2026**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC PHƯƠNG ĐÔNG B

Căn cứ vào Điều lệ trường Tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục về nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng trường Tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến ở cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Công văn số 2093/SGDĐT-GDPT ngày 14/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo V/v thực hiện kết nối đồng bộ dữ liệu học bạ số và cập nhật thông tin trên CSDL ngành theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp;

Xét đề nghị của các Phó Hiệu trưởng nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng hệ thống Quản lý trường học trực tuyến và Hệ thống Cơ sở dữ liệu của trường Tiểu học Phương Đông B.

Điều 2. Quy chế này có hiệu lực từ ngày ký ban hành, thay thế các quy chế trước đây và được công khai theo quy định.

Điều 3. Cán bộ, giáo viên, nhân viên và các tập thể, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND P. Yên Tử (b/c);
- Như Điều 3 (t/h);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Lại Thị Thanh Linh

QUY CHẾ

Quản lý, vận hành, khai thác sử dụng Hệ thống Quản lý trường học trực tuyến và Hệ thống dữ liệu ngành của trường Tiểu học Phương Đông B

Năm học 2025-2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 712/QĐ-THPĐB ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường TH Phương Đông B)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về quản lý, vận hành, khai thác sử dụng hệ thống Quản lý trường học trực tuyến và Hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành tại trường Tiểu học Phương Đông B.

2. Quy chế này áp dụng đối với: Cán bộ, giáo viên và nhân viên trong nhà trường.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

L Cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành giáo dục: là tập hợp dữ liệu số hóa thông tin quản lý về giáo dục phổ thông và thông tin liên quan được xây dựng, cập nhật, duy trì phục vụ quản lý trong lĩnh vực giáo dục phổ thông và cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật. Cơ sở dữ liệu ngành gồm các cơ sở dữ liệu thành phần: Cơ sở dữ liệu về trường học; cơ sở dữ liệu về lớp học; cơ sở dữ liệu về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và nhân viên; cơ sở dữ liệu về học sinh; cơ sở dữ liệu về cơ sở vật chất trường học và các cơ sở dữ liệu thành phần khác do Sở GDĐT quy định.

2. *Hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục (sau đây gọi là Hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành)* là hệ thống công nghệ thông tin chuyên ngành do Bộ GDĐT xây dựng, quản lý, sử dụng thống nhất trên phạm vi toàn quốc, có các chức năng cơ bản phục vụ công tác báo cáo, thu thập, tổng hợp dữ liệu số hóa từ các tổ chuyên môn, lớp học đến cấp quản lý. Hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành

gồm hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý và cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục phổ thông được thiết lập, vận hành và hoạt động trên môi trường Internet tại địa chỉ <https://csdl.moet.gov.vn/>

3. *Hệ thống Quản lý trường học trực tuyến (sau đây gọi là Hệ thống Quản lý trường học)*: Hệ thống quản lý trường học trực tuyến là phần mềm hỗ trợ nhà trường trong các công tác quản lý hồ sơ học sinh, hồ sơ giáo viên, quá trình học tập và rèn luyện của học sinh. Quá trình công tác, giảng dạy của giáo viên, quản lý các kỳ thi của học sinh. Hệ thống là một giải pháp tổng thể và đồng nhất trong việc tin học hóa công tác quản lý học sinh, giáo viên ở các nhà trường hoạt động trên môi trường Internet tại địa chỉ <http://qlth.quangninh.edu.vn/>

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, vận hành, khai thác sử dụng hệ thống Quản lý trường học và hệ thống cơ sở dữ liệu ngành

Việc quản lý, vận hành, khai thác sử dụng Hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật và bảo đảm các nguyên tắc sau:

1. Bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, kịp thời, thuận tiện cho khai thác, sử dụng, phục vụ công tác quản lý ngành về giáo dục.
2. Quản lý giáo dục được sử dụng dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu ngành trong phạm vi phân cấp và trách nhiệm quản lý được giao.
3. Các tổ chức, cá nhân khác khai thác và sử dụng dữ liệu phải được sự đồng ý của ban quản trị hệ thống nhà trường và phải thực hiện việc khai thác và sử dụng dữ liệu theo đúng mục đích, nội dung đã được cho phép và theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương II

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KHAI THÁC SỬ DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ TRƯỜNG HỌC VÀ HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU NGÀNH

Điều 4. Tài khoản quản trị và tài khoản sử dụng hệ thống Quản lý trường học và hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành

Tài khoản trên hệ thống Quản lý trường học và hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành được cấp cho cá nhân sử dụng để quản trị, báo cáo dữ liệu, khai thác và sử dụng thông tin.

1. Nhà trường quản lý tài khoản quản trị các cá nhân giáo viên, nhân viên trực thuộc.
2. Tài khoản quản trị của các cá nhân giáo viên, nhân viên sử dụng để khai báo, quản lý tài khoản các bộ phận, cá nhân trong quản lý, sử dụng.
3. Tài khoản sử dụng hệ thống Quản lý trường học và hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành là tài khoản được khai báo, lách hoạt từ tài khoản quản trị mỗi cá nhân. Mỗi tài khoản được thiết lập, phân quyền khai thác, sử dụng hệ thống Quản lý trường học và hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành tương ứng với vị trí việc làm và phân công nhiệm vụ thực tế tại đơn vị. Tổ chức, cá nhân được cấp tài

khoản chịu trách nhiệm bảo mật tài khoản, bảo mật dữ liệu và quản lý, sử dụng đúng mục đích, theo quy định.

4. Nhà trường thu hồi ngay tài khoản của cán bộ, giáo viên, nhân viên sau khi ngừng làm việc, thôi việc, nghỉ chế độ, luân chuyển công tác.

Điều 5. Trách nhiệm quản lý, sử dụng hệ thống Quản lý trường học và hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành

1. Nhà trường quản lý và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, lập thời của dữ liệu thuộc phạm vi nhà trường trong hệ thống Quản lý trường học và hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành.

2. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, lập thời về dữ liệu của đơn vị mình quản lý trong hệ thống Quản lý trường học và hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành.

Điều 6. Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật hệ thống Quản lý trường học và hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành

1. Ban quản trị hệ thống nhà trường hướng dẫn sử dụng hệ thống Quản lý trường học; hỗ trợ kỹ thuật qua video, tài liệu online, kênh liên lạc trực tuyến Zalo, các buổi tập huấn ... hướng dẫn, hỗ trợ sử dụng qua các hình thức phù hợp.

2. Cung cấp tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống CSDL ngành của Bộ GDĐT tại địa chỉ: <http://huongdan.csdl.moet.gov.vn/>; hỗ trợ kỹ thuật qua email: csdl@moet.edu.vn và hướng dẫn, hỗ trợ sử dụng qua các hình thức phù hợp khác..

3. Trong quá trình sử dụng, nếu phát hiện sự cố kỹ thuật liên quan đến hệ thống hệ thống Quản lý trường học và hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành cần báo cáo về ban quản trị nhà trường để có biện pháp xử lý kịp thời.

Điều 7. An toàn thông tin

1. Hệ thống Quản lý trường học và hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành được bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và phù hợp các quy định hiện hành có liên quan.

2. Các tổ chuyên môn, cá nhân được quy định tại Khoản 2, Điều 1 của Quy chế này, cá nhân được giao trực tiếp tham gia quản lý, vận hành, khai thác sử dụng hệ thống Quản lý trường học và hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân trên mạng, các quy định về thu thập và sử dụng thông tin cá nhân và các quy định tại Quy chế này.

Điều 8. Báo cáo dữ liệu

1. Nội dung, kỳ báo cáo, thời hạn báo cáo dữ liệu trên Hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành thực hiện theo chế độ báo cáo thống kê của ngành Giáo dục và khi có yêu cầu của phòng GDĐT, Sở GDĐT.

2. Có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai báo cáo trên Hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành đảm bảo đầy đủ, chính xác thông tin theo yêu cầu của

cấp trên.

Điều 9. Sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu ngành

1. Thông tin trong Cơ sở dữ liệu ngành được sử dụng thống nhất, có tính pháp lý trong quản lý nhà nước.

2. Hình thức khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu ngành được thực hiện thông qua tài khoản được cấp từ hệ thống Quản lý trường học và hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành.

3. Việc sử dụng thông tin Cơ sở dữ liệu ngành phải tuân thủ các quy định của pháp luật về sở hữu dữ liệu và bảo vệ thông tin cá nhân.

4. Các cá nhân được quy định tại Khoản 2 **Điều 1** Quy chế này tham gia báo cáo, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu ngành phải thực hiện nghiêm túc về việc ban hành quy chế nội bộ về quản lý, sử dụng thông tin trên hệ thống Quản lý trường học và hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành, trong đó thực hiện nghiêm túc các quy định về trách nhiệm quản lý và khai thác sử dụng thông tin từ các tài khoản người dùng; tiếp nhận và xử lý những góp ý, khiếu nại đối với dữ liệu trong thẩm quyền quản lý. Phòng GDĐT, các cơ sở giáo dục được quyền khai thác, sử dụng dữ liệu theo phạm vi quản lý trong Cơ sở dữ liệu ngành; thực hiện tiếp nhận và xử lý những góp ý, khiếu nại đối với dữ liệu trong phạm vi quản lý.

5. Các cá nhân không được quy định tại Khoản 2 **Điều 1** Quy chế này nếu có nhu cầu sử dụng thông tin từ Cơ sở dữ liệu ngành thực hiện theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 10. Quy định về kết nối và chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin khác

1. Việc kết nối và chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin thực hiện theo Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của quan nhà nước; các quy định kỹ thuật về dữ liệu và kết nối với cơ sở dữ liệu GDĐT do Bộ GDĐT ban hành.

2. Việc kết nối dữ liệu (kể cả dữ liệu nhạy cảm) với các hệ thống thông tin khác của nhà nước có thẩm quyền theo quy định phải được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phải bảo đảm thực hiện đúng quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân và quy định pháp luật có liên quan.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của nhà trường

1. Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý, tổ chức triển khai hệ thống Quản lý trường học và hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành theo quy định tại Quy chế này.

2. Chỉ đạo, phân công đồng chí Tổng Thị Minh Loan - PHT, đồng chí Trần Thị Thanh Lâm – GV âm nhạc làm đầu mối kỹ thuật quản trị hệ thống;

hướng dẫn sử dụng, hỗ trợ sử dụng, quản lý tài khoản sử cho CBGVNV nhà trường.

3. Chỉ đạo, phân công bộ phận chuyên môn phụ trách quản lý, kiểm định khai thác sử dụng dữ liệu theo quy định.

4. Báo cáo tình hình quản lý, vận hành, khai thác sử dụng Hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành khi có yêu cầu.

Điều 12. Trách nhiệm của nhà trường

1. Tổ chức cập nhật dữ liệu và báo cáo dữ liệu trên hệ thống Quản lý trường học và hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành đảm bảo đầy đủ, chính xác, kịp thời, an toàn theo các quy định tại Quy chế này cũng như các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Báo cáo tình hình triển khai Hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành khi có yêu cầu.

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

1. Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vấn đề vướng mắc, phát sinh, các tổ chuyên môn, cá nhân liên quan phản ánh kịp thời về Ban quản trị qua (đồng chí Tổng Thị Minh Loan) để tổng hợp trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định./.